

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HC-ST

Ngày: 05-9-2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái
định cư khi nhà nước thu hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lư Văn Sĩ.

2. Ông Lê Minh Đang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 08/2023/TLST-HC ngày 13 tháng 4 năm 2023, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HC, ngày 06 tháng 7 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HC ngày 25 tháng 7 năm 2023, Thông báo dời phiên tòa số 12/TB-TA ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Người khởi kiện: Anh Nguyễn Tuấn H.

Địa chỉ: Ấp H1, xã H2, huyện P, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L; ông Trần Chí N, cùng địa chỉ: A đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. (Ông N có mặt còn ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Văn V – Chức vụ: Phó chủ tịch được phân công thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch (đại diện theo pháp luật, theo công văn số 1913/UBND-NCTH ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh H). Ông Lê Như L1 – Chức vụ: Phó chủ tịch (người đại diện theo ủy quyền), (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang: Ông Trương Thanh B1 – Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện P, tỉnh Hậu Giang, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân tỉnh H3.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Văn T – Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: số B Hòa Bình, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 cùng các tài liệu có trong hồ sơ, người khởi kiện ông Nguyễn Tuấn H và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Chí N trình bày:

Ông H có phần đất ở diện tích 200m² tọa lạc tại thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Phần đất trên bị thu hồi hết diện tích để thực hiện dự án Khu dân cư và Trung tâm Thương mại H1. Đến ngày 16/3/2023, ông H nhận được Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu dân cư và Trung tâm Thương mại H1 tại thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang (đợt 12) (viết tắt Quyết định số 953), trong đó ông H được bồi thường 01 nền tái định cư diện tích 73,8m² thửa 1612, tờ bản đồ số 01. Tọa lạc tại ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang và phải nộp tiền chênh lệch sử dụng đất là 111.189.600 đồng.

Xét thấy Quyết định số 953 phê duyệt bồi thường, tái định cư cho ông H là không đúng, vì:

Thứ nhất, về bồi thường bằng đất ở (tái định cư): Căn cứ mục 1 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H3 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn 150m² thì được bồi thường bằng 02 nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư.

Thứ hai, về tiền chênh lệch sử dụng đất buộc ông phải nộp số tiền 111.189.600 đồng là không phù hợp, vì ông bị thu hồi diện tích 200m² đất ở tính giá đất bồi thường 49.842.000 đồng nhưng bố trí cho ông 01 nền tái định cư, sau khi khấu trừ số tiền phần đất bị thu hồi thì ông vẫn phải nộp thêm 111.189.600 đồng là không thỏa đáng.

Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 953 (Phần liên quan đến ông H).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử:

Người bị kiện vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Đối với việc cấp tái định cư: Về phía Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện P đã bố trí được nền tái định cư nhưng đang đợi Ủy ban nhân dân tỉnh H cho giá đề phê duyệt bổ sung cho ông H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho ông H yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét Quyết định số 7470/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của UBND huyện P (Viết tắt Quyết định số 7470).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 953 (phần liên quan đến ông H). Bác yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7470.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về đối tượng khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Ông H yêu cầu hủy một phần Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P (phần liên quan đến ông H), đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính. Ngày 27 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của ông H nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã cung cấp Quyết định mới số 7470 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 953 để phê duyệt lại cho ông H. Tuy nhiên, người khởi kiện không đồng ý rút đơn khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định bị khởi kiện số 953 và Quyết định mới số 7470.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66 và điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013 thì UBND huyện P ban hành Quyết định số 953 là đúng thẩm quyền.

[2.2]. Về hình thức quyết định: Căn cứ vào Điều 28 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì UBND huyện P ban hành Quyết định số 953 là đúng hình thức.

[2.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Căn cứ vào Điều 67, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013 của Chính phủ thì UBND huyện P ban hành Quyết định số 953 là đúng trình tự, thủ tục.

[2.4]. Về nội dung quyết định:

Ngày 27/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định thu hồi đất số 5497/QĐ-UBND thu hồi diện tích 200m² loại đất ở đô thị, tọa lạc tại ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang của ông Nguyễn Tuấn H để thực hiện dự án Khu dân cư và Trung tâm Thương mại H1 theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 5503/QĐ-UBND về việc phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông H.

Không đồng ý với các quyết định trên, ông H đã khởi kiện ra tòa. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 5497/QĐ-UBND, chấp nhận yêu cầu của ông H về hủy một phần Quyết định phê duyệt số 5503/QĐ-UBND. Sau đó, ông H kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo. Như vậy, với bản án số 20/2019/HC-ST nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, quyết định thu hồi đất số 5497 đã được Tòa án giải quyết.

Riêng đối với một phần quyết định phê duyệt số 5503/QĐ-UBND (phần liên quan đến ông Nguyễn Tuấn H) bị hủy. Ngày 28/10/2019, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6652/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 5503/QĐ-UBND đối với phần đất thu hồi đất ở được bồi thường bằng đất ở. Đến ngày 07/02/2023, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 953 phê duyệt cho ông H 01 nền tái định cư có diện tích 73,8m² lô G nền số 26 thửa 1612. Ông H phải nộp tiền chênh lệch giá trị bồi thường về đất ở là 111.189.600 đồng.

[2.4.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông H về cấp thêm 01 nền tái định cư, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Diện tích phần đất của ông H bị thu hồi để thực hiện dự án là 200m² đất ở đô thị, tại thời điểm bị thu hồi, ông H không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn thị trấn K. Ông H có nhu cầu xin được bồi thường bằng đất ở. Căn cứ Điều 79 Luật đất đai năm 2013 quy định *“Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở”* và tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP cũng quy định *“Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở...không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư”*. Do đó Quyết định số 953 phê duyệt cho ông H bồi thường bằng đất ở là đúng quy định.

Tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H3 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì “*Diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn 150m², được bồi thường bằng 02 nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư*”. Như vậy, với diện tích thu hồi của ông H 200m² đất thổ cư, đối chiếu theo quy định trên thì ông H phải được bồi thường bằng 02 nền tái định cư nhưng Quyết định số 953 chỉ phê duyệt bồi thường cho ông H 01 nền tái định cư là chưa phù hợp. Do đó yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn H đề nghị Ủy ban nhân dân huyện P phê duyệt thêm 01 nền tái định cư là có cơ sở.

[2.4.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H cho rằng áp giá bồi thường phần đất bị thu hồi thấp nhưng giá nền tái định cư được giao cao, Hội đồng xét xử thấy rằng.

Căn cứ Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Tuấn H, tổng diện tích đất của ông H bị thu hồi 292,8m² trong đó có 200m² đất thổ cư tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-01208.

Căn cứ vào Quyết định số 953 đã phê duyệt bồi thường phần đất ở cho ông H 200m² trong đó thuộc vị trí 1 diện tích 118m², đơn giá 298.000 đồng/m² = 35.164.000 đồng; tại vị trí 2 diện tích 82m² đơn giá 179.000 đồng/m² = 14.678.000 đồng. Tổng cộng ông H được phê duyệt bồi thường 200m² đất ở với số tiền là 49.842.000 đồng. Ông H được bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư tại chỗ 01 nền diện tích 73,8m² thửa 1612, tờ bản đồ số 01 với đơn giá 2.182.000 đồng/m² bằng 161.031.600 đồng.

Xét thấy, theo Quyết định số 953 thì đơn giá bồi thường phần đất thu hồi được áp dụng Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 nhưng giá đất ở được bồi thường tại khu tái định cư được thực hiện theo Công văn số 1064/UBND-NCTH ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Căn cứ Điều 69 Luật đất đai quy định “*Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày*”. Căn cứ vào Điều 85 Luật đất đai quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư trước khi thu hồi đất*”. Đồng thời tại Điều 26 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định “*Dự án tái định cư được lập và phê duyệt độc lập với phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhưng phải đảm bảo có đất ở, nhà ở tái định cư trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất*”. Như vậy, cho thấy luật đất đai và Nghị định số 47 của Chính Phủ đều thể hiện rõ tại thời điểm thu hồi đất thì công tác bố trí định cư được thực hiện xong. Như vậy, giá đất nền tái định cư theo quy định trên phải được thực hiện trước hoặc tại

thời điểm áp giá bồi thường đất bị thu hồi. Mặt khác, theo quy định tại Điều 28 của Nghị định 47 quy định khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải có nội dung về số tiền bồi thường, hỗ trợ và nội dung về tái định cư. Do đó, không thể trong một phương án được lập bồi thường bằng đất ở nhưng lại áp giá 02 thời điểm khác nhau là không hợp lý. Do đó, ông H khởi kiện cho rằng về áp giá bồi thường đất và giá giao nền tái định cư không đúng là có cơ sở.

[3]. Từ những cơ sở trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn H đề nghị hủy một phần Quyết định số 953 là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Do Quyết định số 953 được ban hành không đúng nên người bị kiện đã ban hành Quyết định số 7470 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 953 là đúng với quyền và nghĩa vụ của người bị kiện được quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật tổ tụng hành chính và đúng với yêu cầu của người khởi kiện. Quyết định số 7470 chỉ thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 953 nhưng không đề cập đến nội dung phê duyệt cho ông H như thế nào nên không ảnh hưởng quyền lợi của ông H. Do đó người khởi kiện đề nghị xem xét, hủy Quyết định số 7470 là không có căn cứ.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phù hợp nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Điều 62, Điều 67, 69 và Điều 79, 85 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 6, Điều 26, Điều 28 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn H. Hủy một phần Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu dân cư và trung tâm thương mại H1 tại thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang (đợt 12) (Phần liên quan đến ông Nguyễn Tuấn H).

2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7470/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của UBND huyện P.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Tuấn H được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000430 ngày 13/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 05/9/2023. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Thọ